

Số: 4062/QĐ-ĐHYHN

Hà Nội, ngày 30 tháng 9 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công nhận trúng tuyển Bác sĩ nội trú hệ tập trung năm 2020

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y HÀ NỘI

Căn cứ Quyết định số 4868/QĐ-BYT ngày 17/10/2019 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của trường Đại học Y Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 19/2006/QĐ- BYT ngày 04/7/2006 của Bộ Y tế về việc ban hành Quy chế đào tạo Bác sĩ nội trú;

Căn cứ công văn số 622/BYT-K2ĐT ngày 12/2/2020 của Bộ Y tế về việc hướng dẫn tuyển sinh và đào tạo CKI, CKII và BSNT năm 2020;

Căn cứ biên bản họp Hội đồng tuyển sinh xét trúng tuyển Sau đại học số 2315/BB- ĐHYHN ngày 28/09/2020 của Trường Đại học Y Hà Nội;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Quản lý Đào tạo sau đại học.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận trúng tuyển Bác sĩ nội trú khóa 45 (2020 - 2023) của trường Đại học Y Hà Nội cho 458 (Bốn trăm năm mươi tám) thí sinh có tên trong danh sách kèm theo.

Điều 2. Các học viên Bác sĩ nội trú có trách nhiệm thực hiện các quy định và được hưởng các quyền lợi theo Quy chế đào tạo Sau đại học hiện hành.

Điều 3. Trưởng phòng QLĐTSDH, HC, TCKT, CNTT&TT, Thư viện, CTCTHVSU&KTX, Trưởng các Viện/Khoa/Bộ môn và các cá nhân có tên trong Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Bộ Y tế để báo cáo;
- Lưu VT, SDH.

**KT.HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



★ Đoàn Quốc Hưng

Phụ lục
DANH SÁCH CÔNG NHẬN TRÚNG TUYỂN BÁC SĨ NỘI TRÚ KHÓA 45 NĂM 2020
CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y HÀ NỘI

Kèm theo Quyết định số: 4062 /QĐ-ĐHYHN ngày 30 tháng 9 năm 2020

TT	TT CN	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Chuyên ngành Đào tạo	Ghi chú
1	1	TRẦN LÊ VƯƠNG ANH	Nữ	30/08/1996	Nam Định	Chẩn đoán hình ảnh	YHN
2	2	TRẦN XUÂN BÁCH	Nam	31/10/1996	Hà Nội	Chẩn đoán hình ảnh	YHN
3	3	NGUYỄN VĂN CÔNG	Nam	02/04/1996	Bắc Ninh	Chẩn đoán hình ảnh	YHN
4	4	NGUYỄN THỊ KIM DUNG	Nữ	02/10/1995	Bắc Giang	Chẩn đoán hình ảnh	YHN
5	5	VŨ THỊ DUNG	Nữ	10/04/1996	Thanh Hóa	Chẩn đoán hình ảnh	YHN
6	6	LÊ TRỌNG DŨNG	Nam	25/08/1996	Hà Tĩnh	Chẩn đoán hình ảnh	YHN
7	7	TRƯƠNG HỒNG ĐỨC	Nam	30/08/1996	Thanh Hóa	Chẩn đoán hình ảnh	YHN
8	8	HOÀNG VĂN HẬU	Nam	18/08/1996	Phú Thọ	Chẩn đoán hình ảnh	YHN
9	9	MÃ MAI HIỀN	Nữ	28/02/1996	Yên Bái	Chẩn đoán hình ảnh	YHN
10	10	LÊ THỊ HOÀI	Nữ	18/08/1995	Thanh Hóa	Chẩn đoán hình ảnh	PHĐHYHN
11	11	NGUYỄN VĂN HOÀNG	Nam	25/02/1996	Hà Nội	Chẩn đoán hình ảnh	YHN
12	12	ĐẶNG KHÁNH HUYỀN	Nữ	26/12/1996	Hải Dương	Chẩn đoán hình ảnh	YHN
13	13	KIỀU THỊ HUYỀN	Nữ	22/04/1996	Hà Nam	Chẩn đoán hình ảnh	SYTHN
14	14	PHẠM THU HUYỀN	Nữ	15/08/1996	Hải Phòng	Chẩn đoán hình ảnh	YHN
15	15	NGUYỄN THÁI HÙNG	Nam	19/04/1996	Hưng Yên	Chẩn đoán hình ảnh	YHN
16	16	NGUYỄN MAI HƯƠNG	Nữ	07/11/1996	Thái Nguyên	Chẩn đoán hình ảnh	SYTHN
17	17	NGUYỄN HÀ KHƯƠNG	Nữ	12/04/1996	Phú Thọ	Chẩn đoán hình ảnh	YHN
18	18	TRẦN QUANG LỘC	Nam	08/03/1996	Hà Nội	Chẩn đoán hình ảnh	YHN
19	19	ĐÀO THỊ MAI	Nữ	08/06/1996	Bắc Ninh	Chẩn đoán hình ảnh	YHN
20	20	KIỀU THỊ HUYỀN MY	Nữ	04/10/1996	Hà Nội	Chẩn đoán hình ảnh	YHN
21	21	ĐÀO HẢI NAM	Nam	11/06/1996	Hà Nam	Chẩn đoán hình ảnh	SYTHN
22	22	BÙI TRUNG NGHĨA	Nam	03/10/1996	Hải Dương	Chẩn đoán hình ảnh	YHN
23	23	MAI THỊ NGỌC	Nữ	27/03/1996	Thanh Hóa	Chẩn đoán hình ảnh	YHN
24	24	LÊ THỊ THẢO NGUYÊN	Nữ	22/08/1996	Hòa Bình	Chẩn đoán hình ảnh	SYTHN
25	25	LÊ THỊ NHIỀU	Nữ	13/05/1996	Ninh Bình	Chẩn đoán hình ảnh	YHN
26	26	ĐOÀN THỊ KIỀU OÁNH	Nữ	09/09/1996	Bắc Ninh	Chẩn đoán hình ảnh	YHN
27	27	VŨ HOÀNG PHÚC	Nam	26/03/1996	Hải Dương	Chẩn đoán hình ảnh	YHN
28	28	NGUYỄN ĐĂNG SƠN	Nam	28/04/1996	Bắc Giang	Chẩn đoán hình ảnh	YHN
29	29	CHU HỒNG SƠN	Nam	09/11/1996	Hưng Yên	Chẩn đoán hình ảnh	YHN
30	30	NGUYỄN THỊ THU	Nữ	15/06/1996	Hà Nội	Chẩn đoán hình ảnh	YHN
31	31	ĐỖ THỊ KIM THÙY	Nữ	23/10/1996	Thái Bình	Chẩn đoán hình ảnh	YHN
32	32	LÊ DOÃN TRÍ	Nam	09/11/1996	Nghệ An	Chẩn đoán hình ảnh	YHN
33	33	NGUYỄN VĂN TUÂN	Nam	04/10/1996	Hà Nội	Chẩn đoán hình ảnh	YHN
34	34	HOÀNG ĐĂNG TUẤN	Nam	22/08/1995	Bắc Giang	Chẩn đoán hình ảnh	SYTHN
35	35	ĐÀO DUY TÙNG	Nam	24/12/1995	Hà Nội	Chẩn đoán hình ảnh	YHN
36	36	ĐÀO DUY TÙNG	Nam	25/02/1996	Bắc Giang	Chẩn đoán hình ảnh	YHN
37	37	TRẦN THỊ TUYẾT	Nữ	14/09/1996	Nghệ An	Chẩn đoán hình ảnh	YHN
38	38	NGUYỄN HÀ VI	Nữ	28/09/1996	Yên Bái	Chẩn đoán hình ảnh	YHN
39	39	NGÔ ĐỨC YÊN	Nam	26/03/1992	Tây Ninh	Chẩn đoán hình ảnh	YHN
40	40	NGUYỄN THỊ YẾN	Nữ	17/05/1996	Hà Nam	Chẩn đoán hình ảnh	YHN
41	1	TRIỆU DŨNG CƯỜNG	Nam	24/06/1996	Thanh Hóa	Da liễu	YHN
42	2	PHẠM NGÂN GIANG	Nữ	25/03/1996	Hà Nội	Da liễu	YHN

TT	TT CN	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Chuyên ngành Đào tạo	Ghi chú
43	3	NGÔ THỊ HỒNG HẠNH	Nữ	11/08/1995	Hà Nội	Da liễu	YHN
44	4	LÊ THỊ THANH HẰNG	Nữ	13/01/1996	Bắc Ninh	Da liễu	YHN
45	5	TRẦN THỊ THU HIỀN	Nữ	16/01/1996	Nam Định	Da liễu	YHN
46	6	TRƯƠNG VIỆT HOÀNG	Nam	20/09/1996	Thanh Hóa	Da liễu	YHN
47	7	VŨ XUÂN HƯƠNG	Nam	02/01/1996	Bắc Ninh	Da liễu	YHN
48	8	TRẦN THỊ QUYÊN	Nữ	11/11/1996	Nam Định	Da liễu	YHN
49	9	TRẦN THỊ MINH THỦY	Nữ	07/12/1996	Hà Tĩnh	Da liễu	YHN
50	10	HOÀNG QUỐC TUẤN	Nam	17/06/1996	Hải Dương	Da liễu	YHN
51	1	PHẠM THỊ VÂN ANH	Nữ	10/09/1996	Hải Dương	Dị ứng - MDLS	YHN
52	2	LƯU QUANG TIẾN	Nam	27/02/1995	Hà Nội	Dị ứng - MDLS	YHN
53	3	NGUYỄN THỊ HÀ TRANG	Nữ	07/02/1997	Thanh Hóa	Dị ứng - MDLS	YHN
54	4	PHAN HOÀI TRUNG	Nam	02/01/1996	Ninh Bình	Dị ứng - MDLS	YHN
55	1	BÙI TƯỜNG AN	Nữ	23/02/1996	Thanh Hóa	Dinh dưỡng	PHĐHYHN
56	2	NGUYỄN THỊ HUYỀN	Nữ	16/04/1995	Bắc Ninh	Dinh dưỡng	YHN
57	3	ĐÀO MỸ LINH	Nữ	02/12/1996	Bắc Ninh	Dinh dưỡng	YHN
58	4	LÊ HUYỀN NHI	Nữ	22/11/1996	Thái Bình	Dinh dưỡng	YHN
59	5	PHÙNG THỊ LÊ PHƯƠNG	Nữ	10/12/1996	Bắc Giang	Dinh dưỡng	YHN
60	6	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	Nữ	13/07/1996	Bắc Ninh	Dinh dưỡng	YHN
61	7	PHẠM ANH THƠ	Nữ	12/08/1996	Hà Nội	Dinh dưỡng	YHN
62	8	TRỊNH THỊ THỦY	Nữ	12/05/1996	Nam Định	Dinh dưỡng	YHN
63	1	MẠC LINH CHI	Nữ	10/12/1996	Hải Dương	Dược lý và độc chất	YHN
64	1	NGUYỄN THU DUYÊN	Nữ	07/01/1996	Hải Phòng	Gây mê hồi sức	SYTHN
65	2	NGUYỄN THANH HIỀN	Nữ	10/07/1996	Hà Nội	Gây mê hồi sức	YHN
66	3	ĐOÀN QUANG LỘC	Nam	06/02/1996	Hà Tĩnh	Gây mê hồi sức	YHN
67	4	TRẦN TIẾN LỰC	Nam	17/06/1996	Nam Định	Gây mê hồi sức	YHN
68	5	ĐẶNG TUẤN QUANG	Nam	11/03/1996	Thái Bình	Gây mê hồi sức	YHN
69	6	VŨ THỊ QUYÊN	Nữ	19/03/1996	Nam Định	Gây mê hồi sức	YHN
70	7	NGUYỄN THỊ HUYỀN TRANG	Nữ	28/02/1996	Phú Thọ	Gây mê hồi sức	SYTHN
71	8	NGUYỄN BÁ TỰ	Nam	30/09/1996	Thanh Hóa	Gây mê hồi sức	PHĐHYHN
72	1	CHU THỊ THU HÀ	Nữ	08/01/1996	Bắc Giang	Giải phẫu bệnh	YHN
73	2	NGUYỄN DIỆU HIỀN	Nữ	21/10/1996	Thái Bình	Giải phẫu bệnh	YHN
74	3	TRIỆU BÍCH NGUYỆT	Nữ	01/06/1996	Lạng Sơn	Giải phẫu bệnh	SYTHN
75	4	LÊ THỊ THU THỦY	Nữ	10/09/1995	Hà Nội	Giải phẫu bệnh	YHN
76	5	NGUYỄN THỊ HỒNG VÂN	Nữ	06/02/1996	Hà Nội	Giải phẫu bệnh	YHN
77	1	CHU TRỌNG TƯỚC	Nam	09/03/1995	Nghệ An	Giải phẫu người	YHN
78	1	ĐẶNG DUY AN	Nam	27/02/1995	Hà Nội	Hóa sinh Y học	YHN
79	2	NGUYỄN THỊ NGỌC BÍCH	Nữ	26/11/1996	Bắc Giang	Hóa sinh Y học	YHN
80	3	TRẦN VĂN CHIÊU	Nam	13/09/1996	Bắc Giang	Hóa sinh Y học	YHN
81	4	NGUYỄN THỊ LINH HOA	Nữ	04/01/1996	Nghệ An	Hóa sinh Y học	SYTHN
82	5	ĐÌNH THỊ QUỲNH NGỌC	Nữ	30/11/1996	Nghệ An	Hóa sinh Y học	YHN
83	6	NGUYỄN THỊ THANH TÂM	Nữ	11/11/1996	Thái Bình	Hóa sinh Y học	YHN
84	1	LÊ HỮU Á	Nam	20/12/1996	Nghệ An	Hồi sức cấp cứu	YHN
85	2	NGUYỄN THỊ AN	Nữ	02/08/1996	Hải Dương	Hồi sức cấp cứu	YHN
86	3	NGUYỄN DIỆP ANH	Nam	09/10/1996	Hà Nội	Hồi sức cấp cứu	YHN
87	4	NGUYỄN NHƯ BÌNH	Nam	10/07/1995	Hà Tĩnh	Hồi sức cấp cứu	SYTHN
88	5	HOÀNG QUỐC THÁI BÌNH	Nam	27/04/1996	Hưng Yên	Hồi sức cấp cứu	YHN
89	6	LÊ ĐÌNH CHỨC	Nam	25/12/1996	Thanh Hóa	Hồi sức cấp cứu	YHN

TT	TT CN	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Chuyên ngành Đào tạo	Ghi chú
90	7	PHẠM THÙY DUNG	Nữ	06/03/1996	Thái Bình	Hồi sức cấp cứu	SYTHN
91	8	CAO ĐẠI DƯƠNG	Nam	29/10/1996	Hải Dương	Hồi sức cấp cứu	SYTHN
92	9	LÊ MINH ĐẠI	Nam	09/08/1994	Phú Thọ	Hồi sức cấp cứu	SYTHN
93	10	HOÀNG TIỀN ĐẠT	Nam	07/11/1996	Quảng Ninh	Hồi sức cấp cứu	YHN
94	11	TRƯƠNG THỊ HOA	Nữ	23/08/1996	Thanh Hóa	Hồi sức cấp cứu	SYTHN
95	12	NGUYỄN XUÂN HOÀNG	Nam	04/05/1995	Hà Nội	Hồi sức cấp cứu	YHN
96	13	PHẠM THỊ QUỲNH	Nữ	20/02/1995	Thanh Hóa	Hồi sức cấp cứu	PHĐHYHN
97	14	NGUYỄN THỊ SÂM	Nữ	26/07/1996	Nghệ An	Hồi sức cấp cứu	YHN
98	15	LÊ THỊ HUỖN TRANG	Nữ	22/03/1995	Thanh Hóa	Hồi sức cấp cứu	YHN
99	16	LƯU TUẤN VIỆT	Nam	07/11/1996	Hung Yên	Hồi sức cấp cứu	YHN
100	1	MAI VĂN BA	Nam	09/08/1996	Nam Định	Huyết học - Truyền máu	YHN
101	2	NGUYỄN CÔNG ĐĂNG	Nam	24/05/1996	Hà Nội	Huyết học - Truyền máu	YHN
102	3	NGUYỄN KHÁNH HÀ	Nữ	24/09/1996	Hà Nội	Huyết học - Truyền máu	YHN
103	4	ĐỖ HỒNG NGỌC	Nữ	17/08/1996	Hòa Bình	Huyết học - Truyền máu	YHN
104	5	NGUYỄN THỊ THƠM	Nữ	01/08/1996	Nghệ An	Huyết học - Truyền máu	SYTHN
105	6	TẠ VĂN TUẤN	Nam	14/03/1996	Thái Nguyên	Huyết học - Truyền máu	YHN
106	1	VŨ THỊ THU BĂNG	Nữ	20/05/1996	Thái Bình	Ký sinh trùng	YHN
107	2	NGUYỄN XUÂN HAI	Nam	01/10/1996	Thanh Hóa	Ký sinh trùng	PHĐHYHN
108	3	HOÀNG THỊ PHƯƠNG THANH	Nữ	25/11/1996	Hải Dương	Ký sinh trùng	YHN
109	4	BÙI ĐỨC TRUNG	Nam	17/07/1996	Hải Dương	Ký sinh trùng	YHN
110	1	ĐẶNG XUÂN ĐẠI	Nam	28/09/1996	Hải Phòng	Lão khoa	YHN
111	2	VŨ THỊ HUỖN	Nữ	27/09/1996	Hà Nội	Lão khoa	YHN
112	3	NGUYỄN BÁ HUỖN	Nam	03/04/1995	Nghệ An	Lão khoa	PHĐHYHN
113	1	VŨ THỊ DỊU	Nữ	29/02/1996	Hải Dương	Lao và bệnh phổi	SYTHN
114	2	ĐÀO THỊ QUỲNH DƯƠNG	Nữ	09/07/1996	Hà Nội	Lao và bệnh phổi	YHN
115	3	NGUYỄN XUÂN GIANG	Nam	19/07/1996	Nam Định	Lao và bệnh phổi	YHN
116	4	PHẠM DIỆU MÁT	Nữ	10/10/1992	Hải Dương	Lao và bệnh phổi	YHN
117	5	CHU QUANG NAM	Nam	01/03/1996	Bắc Ninh	Lao và bệnh phổi	YHN
118	6	VŨ THỊ THÚY	Nữ	17/05/1996	Hải Phòng	Lao và bệnh phổi	YHN
119	7	NGUYỄN THỊ THỦY TRANG	Nữ	29/05/1996	Hải Dương	Lao và bệnh phổi	YHN
120	1	VŨ THỊ LINH	Nữ	16/05/1996	Thái Bình	Mô phôi thai học	YHN
121	2	CHU THỊ LY	Nữ	27/08/1996	Hung Yên	Mô phôi thai học	YHN
122	3	DIỄM THỦY TRANG	Nữ	08/08/1996	Bắc Giang	Mô phôi thai học	YHN
123	1	THÁI ĐỨC AN	Nam	01/06/1996	Điện Biên	Ngoại khoa	YHN
124	2	NGUYỄN VĂN AN	Nam	13/07/1995	Nghệ An	Ngoại khoa	YHN
125	3	NGUYỄN DUY ANH	Nam	01/10/1995	Bắc Ninh	Ngoại khoa	YHN
126	4	NGUYỄN THỊ LAN ANH	Nữ	04/03/1994	Hà Nội	Ngoại khoa	YHN
127	5	PHẠM NGỌC ANH	Nam	23/08/1996	Vĩnh Phúc	Ngoại khoa	YHN
128	6	NGUYỄN THẾ ANH	Nam	04/08/1996	Hung Yên	Ngoại khoa	YHN
129	7	TẠ TUẤN ANH	Nam	17/05/1994	Hà Nội	Ngoại khoa	YHN
130	8	TRƯƠNG TUẤN ANH	Nam	18/10/1995	Nghệ An	Ngoại khoa	YHN
131	9	ĐỖ MINH CHÍ	Nam	26/08/1995	Hà Nội	Ngoại khoa	YHN
132	10	PHẠM XUÂN CHIẾN	Nam	04/04/1996	Nghệ An	Ngoại khoa	PHĐHYHN
133	11	LÊ THÀNH CÔNG	Nam	27/01/1996	Hà Nội	Ngoại khoa	YHN
134	12	TRƯƠNG VĂN CƯỜNG	Nam	15/04/1996	Thanh Hóa	Ngoại khoa	YHN
135	13	NGUYỄN VĂN DIỄN	Nam	24/12/1995	Thanh Hóa	Ngoại khoa	YHN
136	14	VŨ ĐỨC DUY	Nam	16/01/1996	Hà Nội	Ngoại khoa	YHN

TT	TT CN	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Chuyên ngành Đào tạo	Ghi chú
137	15	NGUYỄN NGỌC ĐẠI	Nam	25/10/1996	Hung Yên	Ngoại khoa	YHN
138	16	LÊ HUỠNH ĐỨC	Nam	20/10/1996	Thanh Hóa	Ngoại khoa	YHN
139	17	PHẠM MINH ĐỨC	Nam	09/04/1996	Hải Dương	Ngoại khoa	YHN
140	18	NGUYỄN THỊ ĐỨC	Nữ	19/03/1996	Hà Nội	Ngoại khoa	SYTHN
141	19	VŨ VIỆT ĐỨC	Nam	19/06/1996	Bắc Ninh	Ngoại khoa	SYTHN
142	20	NGUYỄN BÁ HẢI	Nam	23/05/1996	Hà Nội	Ngoại khoa	YHN
143	21	BÙI ANH HÀO	Nam	18/04/1996	Hà Tĩnh	Ngoại khoa	YHN
144	22	ĐẶNG VĂN HIẾU	Nam	01/10/1996	Nam Định	Ngoại khoa	YHN
145	23	NGUYỄN XUÂN ĐỨC HOÀNG	Nam	02/09/1996	Hung Yên	Ngoại khoa	YHN
146	24	MA NGUYỄN THÁI HOÀNG	Nam	31/07/1996	Cao Bằng	Ngoại khoa	YHN
147	25	TRẦN MẠNH HÙNG	Nam	04/03/1996	Hà Nam	Ngoại khoa	YHN
148	26	TRƯƠNG MẠNH HÙNG	Nam	06/06/1996	Sơn La	Ngoại khoa	YHN
149	27	LÊ VĂN HÙNG	Nam	02/02/1997	Thanh Hóa	Ngoại khoa	YHN
150	28	CAO VIỆT HÙNG	Nam	30/07/1995	Hà Nội	Ngoại khoa	YHN
151	29	ĐINH NGỌC LIÊM	Nam	13/09/1995	Hà Nội	Ngoại khoa	YHN
152	30	TRẦN NHẬT LINH	Nam	22/08/1996	Thái Bình	Ngoại khoa	YHN
153	31	ĐẶNG VĂN LINH	Nam	28/10/1996	Nam Định	Ngoại khoa	YHN
154	32	NGUYỄN VĂN LINH	Nam	17/04/1996	Vĩnh Phúc	Ngoại khoa	YHN
155	33	TRẦN THỊ THANH LOAN	Nữ	23/01/1996	Hà Nam	Ngoại khoa	YHN
156	34	PHẠM VIỆT LONG	Nam	13/01/1996	Vĩnh Phúc	Ngoại khoa	YHN
157	35	ĐỖ ĐỨC MẠNH	Nam	25/03/1995	Bắc Giang	Ngoại khoa	YHN
158	36	NGUYỄN HÙNG MẠNH	Nam	17/12/1994	Hải Dương	Ngoại khoa	YHN
159	37	ĐỖ ĐỨC MINH	Nam	02/05/1996	Hà Nội	Ngoại khoa	YHN
160	38	TẠ VĂN THÀNH NAM	Nam	26/12/1996	Ninh Bình	Ngoại khoa	YHN
161	39	LÊ VĂN NAM	Nam	04/04/1995	Đà Nẵng	Ngoại khoa	YHN
162	40	HÁN AN NINH	Nam	19/10/1996	Bắc Ninh	Ngoại khoa	YHN
163	41	CHU ĐỨC PHONG	Nam	23/08/1996	Ninh Bình	Ngoại khoa	YHN
164	42	PHẠM HÀO QUANG	Nam	13/11/1996	Hà Tĩnh	Ngoại khoa	SYTHN
165	43	ĐẶNG NHẬT QUANG	Nam	02/07/1996	Ninh Bình	Ngoại khoa	YHN
166	44	NGUYỄN SỸ QUANG	Nam	05/04/1996	Bắc Ninh	Ngoại khoa	YHN
167	45	ĐINH HỒNG QUÂN	Nam	10/09/1996	Nghệ An	Ngoại khoa	YHN
168	46	NGUYỄN THÀNH TAM	Nam	04/09/1996	Hung Yên	Ngoại khoa	YHN
169	47	NGUYỄN THỊ THANH TÂM	Nữ	21/01/1995	Hà Tĩnh	Ngoại khoa	YHN
170	48	BÙI TIẾN THÀNH	Nam	30/12/1996	Nam Định	Ngoại khoa	YHN
171	49	LÊ QUANG THẮNG	Nam	17/12/1996	Thanh Hóa	Ngoại khoa	YHN
172	50	PHẠM QUANG THẮNG	Nam	02/11/1996	Thái Bình	Ngoại khoa	YHN
173	51	NGUYỄN VĂN THỊNH	Nam	08/05/1996	Hung Yên	Ngoại khoa	SYTHN
174	52	NGUYỄN LÊ MINH TIẾN	Nam	15/05/1996	Nam Định	Ngoại khoa	YHN
175	53	PHẠM VĂN TÍN	Nam	06/05/1996	Hà Tĩnh	Ngoại khoa	YHN
176	54	NGUYỄN ĐỨC TRUNG	Nam	17/09/1996	Hòa Bình	Ngoại khoa	YHN
177	55	BÙI XUÂN TRƯỜNG	Nam	08/07/1996	Hung Yên	Ngoại khoa	YHN
178	56	NGUYỄN HỮU TÚ	Nam	19/07/1996	Nam Định	Ngoại khoa	YHN
179	57	NGUYỄN VIỆT TUẤN	Nam	07/11/1996	Bắc Giang	Ngoại khoa	YHN
180	58	NGÔ XUÂN TUẤN	Nam	25/05/1996	Thanh Hóa	Ngoại khoa	YHN
181	59	NGUYỄN SỸ TÙNG	Nam	26/06/1996	Thanh Hóa	Ngoại khoa	PHĐHYHN
182	60	NGUYỄN VĂN VƯỢNG	Nam	02/11/1994	Bắc Ninh	Ngoại khoa	YHN

TT	TT CN	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Chuyên ngành Đào tạo	Ghi chú
183	1	NGUYỄN ĐỨC ANH	Nam	26/11/1996	Hà Nội	Nhân khoa	YHN
184	2	ĐẶNG PHƯƠNG ANH	Nữ	24/05/1996	Lào Cai	Nhân khoa	SYTHN
185	3	VƯƠNG MINH CHI	Nữ	20/05/1996	Hà Nội	Nhân khoa	YHN
186	4	PHẠM THANH HUYỀN	Nữ	14/12/1996	Hà Nội	Nhân khoa	YHN
187	5	TRẦN THỊ HẢI LINH	Nữ	17/01/1996	Nghệ An	Nhân khoa	YHN
188	6	BÙI HỒNG NGỌC	Nữ	02/10/1996	Thanh Hóa	Nhân khoa	SYTHN
189	7	NGUYỄN THỊ VÂN QUỲNH	Nữ	29/10/1995	Thái Bình	Nhân khoa	SYTHN
190	8	NGUYỄN PHƯƠNG THẢO	Nữ	25/09/1996	Hà Nội	Nhân khoa	SYTHN
191	9	VŨ MINH TIẾN	Nam	22/05/1996	Hà Nội	Nhân khoa	YHN
192	10	HÀ DƯƠNG TRUNG	Nam	10/06/1996	Hà Nội	Nhân khoa	SYTHN
193	1	HÀ ĐÌNH CHUYỀN	Nam	17/10/1996	Hà Nam	Nhi khoa	SYTHN
194	2	NGUYỄN VĂN DƯƠNG	Nam	23/01/1996	Nghệ An	Nhi khoa	YHN
195	3	NGUYỄN XUÂN ĐẠT	Nam	03/10/1996	Hà Nội	Nhi khoa	YHN
196	4	NGUYỄN THỊ HUYỀN	Nữ	21/06/1996	Nam Định	Nhi khoa	YHN
197	5	NGUYỄN TÁT KIÊN	Nam	13/10/1996	Nghệ An	Nhi khoa	SYTHN
198	6	ĐẶNG THỊ NGỌC LAN	Nữ	27/04/1996	Hà Nội	Nhi khoa	YHN
199	7	NGUYỄN ĐÌNH LÊ	Nam	25/11/1996	Vĩnh Phúc	Nhi khoa	YHN
200	8	PHẠM THẢO LINH	Nữ	15/03/1996	Hà Tĩnh	Nhi khoa	SYTHN
201	9	NGUYỄN THỊ LINH	Nữ	20/10/1996	Hà Nam	Nhi khoa	YHN
202	10	BÙI MINH LÝ	Nữ	18/04/1995	Hà Nội	Nhi khoa	YHN
203	11	NGUYỄN VIỆT NGUYỄN	Nam	26/02/1996	Thanh Hóa	Nhi khoa	PHĐHYHN
204	12	HOÀNG THỊ HỒNG NHUNG	Nữ	28/09/1996	Hòa Bình	Nhi khoa	SYTHN
205	13	PHAN THỊ HUYỀN NINH	Nữ	21/11/1996	Hung Yên	Nhi khoa	YHN
206	14	ĐÀO THỊ THANH SƠN	Nữ	25/11/1996	Phú Thọ	Nhi khoa	YHN
207	15	TRỊNH THỊ THỦY	Nữ	15/03/1996	Nam Định	Nhi khoa	YHN
208	1	LÊ THỊ LAN ANH	Nữ	16/11/1996	Thái Nguyên	Nội khoa	YHN
209	2	NGUYỄN THẾ ANH	Nam	01/07/1996	Nam Định	Nội khoa	YHN
210	3	LÊ QUANG BẢO	Nam	27/11/1996	Lai Châu	Nội khoa	YHN
211	4	KHÔNG THỊ CHIẾN	Nữ	08/09/1995	Vĩnh Phúc	Nội khoa	YHN
212	5	VŨ ĐÌNH CHIẾN	Nam	09/07/1994	Hà Nội	Nội khoa	YHN
213	6	NGUYỄN THỊ THU CÚC	Nữ	24/12/1996	Hà Nội	Nội khoa	YHN
214	7	MAI VĂN DUY	Nam	29/08/1996	Thanh Hóa	Nội khoa	YHN
215	8	CHU AN DƯƠNG	Nam	11/06/1995	Hung Yên	Nội khoa	YHN
216	9	NGUYỄN TÙNG DƯƠNG	Nam	01/12/1996	Hải Dương	Nội khoa	SYTHN
217	10	NGUYỄN THỊ GIANG	Nữ	18/08/1996	Thanh Hóa	Nội khoa	YHN
218	11	NGUYỄN NGỌC HÀ	Nữ	18/01/1996	Hà Nội	Nội khoa	SYTHN
219	12	THÁI THỊ HẠNH	Nữ	08/02/1996	Nghệ An	Nội khoa	YHN
220	13	THÁI THỰC HẠNH	Nữ	25/11/1996	Nghệ An	Nội khoa	YHN
221	14	NGUYỄN VĂN HẬU	Nam	25/11/1995	Thanh Hóa	Nội khoa	YHN
222	15	PHẠM THỊ HIỀN	Nữ	23/09/1996	Thái Bình	Nội khoa	YHN
223	16	TRẦN THỊ HIỀN	Nữ	13/05/1996	Hà Nam	Nội khoa	YHN
224	17	LÊ VĂN HIỆP	Nam	27/08/1996	Nam Định	Nội khoa	YHN
225	18	NGUYỄN DUY HIỆP	Nam	21/09/1995	Hà Nội	Nội khoa	YHN
226	19	PHẠM VIỆT HÒA	Nữ	25/12/1996	Hải Phòng	Nội khoa	YHN
227	20	NGUYỄN THỊ KIM HOÀN	Nữ	06/10/1996	Hải Phòng	Nội khoa	YHN
228	21	DIỆP XUÂN HOÀNG	Nam	26/10/1996	Hải Phòng	Nội khoa	YHN
229	22	LÊ PHẠM HÙNG	Nam	21/11/1996	Hà Nội	Nội khoa	YHN

TT	TT CN	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Chuyên ngành Đào tạo	Ghi chú
230	23	PHẠM THẾ HÙNG	Nam	02/06/1996	Nam Định	Nội khoa	YHN
231	24	NGUYỄN QUANG HUY	Nam	20/12/1996	Nam Định	Nội khoa	YHN
232	25	PHẠM QUANG HUY	Nam	27/04/1995	Thanh Hóa	Nội khoa	YHN
233	26	PHẠM VĂN HUY	Nam	08/11/1996	Thanh Hóa	Nội khoa	YHN
234	27	ĐỖ KHÁNH HUYỀN	Nữ	16/05/1996	Nam Định	Nội khoa	YHN
235	28	NGUYỄN THỊ HUYỀN	Nữ	14/09/1996	Bắc Ninh	Nội khoa	YHN
236	29	NGUYỄN THỊ LAN HƯƠNG	Nữ	18/01/1996	Vĩnh Phúc	Nội khoa	YHN
237	30	NGUYỄN THỊ HƯỜNG	Nữ	26/10/1996	Bắc Giang	Nội khoa	YHN
238	31	HÀ HỮU HOÀNG KHÁI	Nam	11/11/1995	Thanh Hóa	Nội khoa	YHN
239	32	NGUYỄN VIỆT KHÁNH	Nam	25/09/1996	Hải Phòng	Nội khoa	YHN
240	33	HOÀNG THỊ NGỌC KHUYẾN	Nữ	02/09/1996	Bắc Giang	Nội khoa	YHN
241	34	BÙI THỊ LINH	Nữ	07/10/1995	Hà Nội	Nội khoa	YHN
242	35	CAO NHẬT LINH	Nữ	25/06/1996	Bắc Ninh	Nội khoa	YHN
243	36	DƯƠNG THỊ THÙY LINH	Nữ	18/11/1996	Hà Tĩnh	Nội khoa	YHN
244	37	HÀ THỊ TÚ LINH	Nữ	21/10/1996	Yên Bái	Nội khoa	YHN
245	38	MAI THỊ THÙY LINH	Nữ	14/05/1996	Yên Bái	Nội khoa	YHN
246	39	NGUYỄN THỊ KIỀU LINH	Nữ	27/02/1996	Bắc Giang	Nội khoa	YHN
247	40	LÊ ĐỨC MẠNH	Nam	13/04/1996	Hà Nội	Nội khoa	YHN
248	41	NGUYỄN THỊ LÊ MỸ	Nữ	25/01/1996	Nghệ An	Nội khoa	YHN
249	42	LƯƠNG THỊ HẰNG NGÀ	Nữ	25/12/1996	Thanh Hóa	Nội khoa	YHN
250	43	VŨ THỊ BÍCH NGỌC	Nữ	16/03/1996	Hà Nội	Nội khoa	YHN
251	44	VŨ THỊ THU NGỌC	Nữ	13/02/1995	Hung Yên	Nội khoa	YHN
252	45	VŨ HỒNG BẢO NGUYỄN	Nữ	29/06/1996	Phú Thọ	Nội khoa	YHN
253	46	TRẦN THANH NHÀN	Nữ	07/09/1996	Nghệ An	Nội khoa	YHN
254	47	TRẦN THỊ KIỀU OANH	Nữ	08/10/1996	Hà Nội	Nội khoa	YHN
255	48	HỒ THỊ HÀ PHƯƠNG	Nữ	28/04/1996	Nghệ An	Nội khoa	YHN
256	49	NINH CÔNG PHƯƠNG	Nam	03/04/1996	Nam Định	Nội khoa	YHN
257	50	ĐẶNG THỊ TÂM	Nữ	24/02/1996	Nam Định	Nội khoa	YHN
258	51	ĐỖ THỊ THOA	Nữ	23/04/1996	Hà Nội	Nội khoa	YHN
259	52	NGUYỄN THỊ MINH THU	Nữ	26/07/1996	Bắc Giang	Nội khoa	YHN
260	53	ĐÀO PHƯƠNG THÚY	Nữ	26/02/1996	Hà Nội	Nội khoa	YHN
261	54	NGUYỄN ANH THU	Nữ	27/03/1996	Hà Nội	Nội khoa	YHN
262	55	PHAN THỊ ANH THU	Nữ	26/09/1996	Hà Tĩnh	Nội khoa	YHN
263	56	LÊ THỊ HOÀI THƯƠNG	Nữ	10/04/1996	Thanh Hóa	Nội khoa	PH ĐHYHN
264	57	ĐỖ VĂN TIẾN	Nam	15/06/1996	Hung Yên	Nội khoa	YHN
265	58	NGUYỄN KHẢ TIẾN	Nam	30/10/1995	Hà Nội	Nội khoa	YHN
266	59	NGUYỄN THỊ TRANG	Nữ	02/10/1996	Thanh Hóa	Nội khoa	YHN
267	60	TRẦN HUYỀN TRANG	Nữ	07/09/1996	Ninh Bình	Nội khoa	YHN
268	61	TRẦN VĂN TÚ	Nam	12/11/1995	Hà Nội	Nội khoa	YHN
269	62	MIÊU THỊ VÂN	Nữ	12/06/1995	Tuyên Quang	Nội khoa	YHN
270	63	NGUYỄN THỊ VÂN	Nữ	10/11/1996	Hung Yên	Nội khoa	SYTHN
271	64	NGUYỄN THỊ THANH VÂN	Nữ	02/02/1996	Bắc Giang	Nội khoa	YHN
272	65	TRẦN QUỐC VIỆT	Nam	24/10/1996	Ninh Bình	Nội khoa	YHN
273	66	NGUYỄN THẾ VINH	Nam	29/08/1996	Hà Tĩnh	Nội khoa	YHN
274	67	NGUYỄN THỊ THANH XUÂN	Nữ	26/01/1996	Hà Nội	Nội khoa	YHN
275	68	ĐÀO THỊ YẾN	Nữ	06/03/1996	Bắc Giang	Nội khoa	YHN
276	1	ĐINH THỊ ANH	Nữ	06/08/1996	Thanh Hóa	Nội Tim mạch	SYTHN

TT	TT CN	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Chuyên ngành Đào tạo	Ghi chú
277	2	TRẦN VĂN CƯỜNG	Nam	06/01/1996	Hà Tĩnh	Nội Tim mạch	YHN
278	3	ÂN TUẤN ĐẠT	Nam	15/08/1996	Bắc Giang	Nội Tim mạch	YHN
279	4	NGUYỄN ĐỨC HẢI	Nam	11/08/1996	Hà Nam	Nội Tim mạch	YHN
280	5	PHẠM VĂN HIỆP	Nam	07/02/1996	Nam Định	Nội Tim mạch	YHN
281	6	HOÀNG HUY HIỆU	Nam	01/06/1996	Thanh Hóa	Nội Tim mạch	PHĐHYHN
282	7	NGUYỄN THỊ HUẾ	Nữ	19/04/1996	Bắc Ninh	Nội Tim mạch	SYTHN
283	8	BÙI THỊ THANH HUYỀN	Nữ	04/10/1996	Hải Dương	Nội Tim mạch	YHN
284	9	PHẠM BÌNH MINH	Nam	20/04/1996	Hà Nội	Nội Tim mạch	YHN
285	10	HOÀNG CÔNG MINH	Nam	28/06/1996	Hưng Yên	Nội Tim mạch	YHN
286	11	TRỊNH THỊ HÀ MY	Nữ	26/11/1996	Ninh Bình	Nội Tim mạch	YHN
287	12	NGÔ THÚY NGỌC	Nữ	05/02/1996	Nam Định	Nội Tim mạch	YHN
288	13	NGUYỄN THỊ NHUNG	Nữ	20/08/1996	Nghệ An	Nội Tim mạch	SYTHN
289	14	NGUYỄN ĐÌNH HỒNG PHÚC	Nam	29/08/1996	Hà Nội	Nội Tim mạch	YHN
290	15	NGUYỄN THỊ LỆ THANH	Nữ	18/03/1996	Hòa Bình	Nội Tim mạch	YHN
291	16	NGUYỄN QUỲNH TRANG	Nữ	23/09/1996	Thái Bình	Nội Tim mạch	YHN
292	17	ĐÌNH THỊ TRANG	Nữ	29/04/1996	Bắc Ninh	Nội Tim mạch	YHN
293	18	LÊ BÁ TÙNG	Nam	07/09/1996	Thanh Hóa	Nội Tim mạch	YHN
294	19	NGUYỄN THỊ TUYẾT	Nữ	05/02/1995	Hải Dương	Nội Tim mạch	YHN
295	20	NGUYỄN THỊ XUÂN YẾN	Nữ	12/05/1996	Vĩnh Phúc	Nội Tim mạch	SYTHN
296	1	ĐỖ HÙNG ANH	Nam	30/04/1996	Bắc Ninh	Phẫu thuật tạo hình	YHN
297	2	NGUYỄN HOÀNG ĐĂNG	Nam	22/03/1996	Hà Tĩnh	Phẫu thuật tạo hình	YHN
298	3	NGUYỄN NGỌC LINH	Nam	05/12/1996	Vĩnh Phúc	Phẫu thuật tạo hình	YHN
299	4	NGUYỄN QUỐC MẠNH	Nam	13/03/1996	Vĩnh Phúc	Phẫu thuật tạo hình	YHN
300	5	NGUYỄN ĐẮC NGUYÊN	Nam	10/12/1996	Hà Nội	Phẫu thuật tạo hình	YHN
301	6	LÊ KIM NHÃ	Nam	20/03/1996	Nghệ An	Phẫu thuật tạo hình	YHN
302	1	HOÀNG KIM DŨNG	Nam	07/04/1996	Hải Dương	Phục hồi chức năng	YHN
303	2	PHẠM VĂN HẢI	Nam	03/12/1996	Hưng Yên	Phục hồi chức năng	SYTHN
304	3	TẠ THU HUYỀN	Nữ	02/04/1996	Bắc Giang	Phục hồi chức năng	YHN
305	4	ĐÌNH GIA KHUÊ	Nam	18/06/1996	Ninh Bình	Phục hồi chức năng	YHN
306	5	BÙI THỊ NGÀ	Nữ	06/03/1995	Thái Bình	Phục hồi chức năng	YHN
307	6	NGUYỄN THIỆN NHÂN	Nam	16/11/1996	Nghệ An	Phục hồi chức năng	YHN
308	7	NGUYỄN THỊ THỦY NHUNG	Nữ	31/07/1995	Bắc Ninh	Phục hồi chức năng	YHN
309	8	LƯƠNG MINH QUANG	Nam	30/07/1996	Hà Nội	Phục hồi chức năng	YHN
310	9	NGUYỄN NGỌC ÁNH TRANG	Nữ	16/12/1996	Hòa Bình	Phục hồi chức năng	YHN
311	10	PHẠM THỊ TÓ UYÊN	Nữ	20/08/1996	Nam Định	Phục hồi chức năng	YHN
312	1	BÙI TIẾN ĐẠT	Nam	01/03/1996	Nghệ An	Răng - Hàm - Mặt	YHN
313	2	PHAN HUY HOÀNG	Nam	27/08/1996	Hà Nội	Răng - Hàm - Mặt	YHN
314	3	PHÍ THỊ QUỲNH HƯƠNG	Nữ	17/05/1996	Thái Bình	Răng - Hàm - Mặt	YHN
315	4	ĐÌNH THỊ BÍCH LIÊN	Nữ	08/07/1996	Ninh Bình	Răng - Hàm - Mặt	YHN
316	5	NGUYỄN HỒNG NGUYÊN	Nam	10/05/1995	Hà Tĩnh	Răng - Hàm - Mặt	YHN
317	6	TRẦN THỊ LÂM OANH	Nữ	21/01/1996	Quảng Bình	Răng - Hàm - Mặt	YHN
318	7	TRỊNH THỊ PHƯƠNG	Nữ	29/05/1996	Thái Bình	Răng - Hàm - Mặt	PH ĐHYHN
319	8	TRẦN THIỆN TIẾN	Nam	02/10/1995	Hà Tĩnh	Răng - Hàm - Mặt	YHN
320	1	TRẦN THỊ AN	Nữ	29/10/1996	Hưng Yên	Sản phụ khoa	YHN
321	2	NGUYỄN VŨ BÌNH	Nam	06/01/1996	Hà Nội	Sản phụ khoa	YHN
322	3	VÕ THỊ DUNG	Nữ	28/07/1996	Thanh Hóa	Sản phụ khoa	YHN
323	4	ĐẶNG HỒNG HẢI	Nữ	22/12/1996	Hà Nội	Sản phụ khoa	YHN

TT	TT CN	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Chuyên ngành Đào tạo	Ghi chú
324	5	CAO VĂN HÙNG	Nam	13/11/1996	Hà Nam	Sân phụ khoa	YHN
325	6	TRẦN QUANG MINH	Nam	10/09/1996	Hà Nội	Sân phụ khoa	YHN
326	7	NGUYỄN TUẤN MINH	Nam	03/06/1996	Hà Nội	Sân phụ khoa	YHN
327	8	ĐÀO HUY QUANG	Nam	08/06/1996	Hung Yên	Sân phụ khoa	YHN
328	9	HOÀNG THỊ QUỲNH	Nữ	19/10/1996	Thái Nguyên	Sân phụ khoa	YHN
329	10	PHẠM MINH TÂM	Nam	13/12/1996	Hà Nội	Sân phụ khoa	YHN
330	11	NGUYỄN THỊ THANH TRÀ	Nữ	31/12/1996	Nghệ An	Sân phụ khoa	YHN
331	12	NGUYỄN THỊ HÀ TRANG	Nữ	19/11/1996	Nghệ An	Sân phụ khoa	YHN
332	1	PHẠM THỊ TÂM	Nữ	10/10/1996	Hải Dương	Sinh lý bệnh - Miễn dịch	YHN
333	1	PHẠM THỊ LAN ANH	Nữ	06/07/1996	Nghệ An	Sinh lý học	YHN
334	2	ĐỖ HUY THẮNG	Nam	18/06/1995	Hải Phòng	Sinh lý học	YHN
335	1	ĐẶNG THỊ TRÂM ANH	Nữ	30/07/1995	Hà Tĩnh	Tai - Mũi - Họng	YHN
336	2	ĐÀO CHÍ CÔNG	Nam	12/11/1996	Hà Nội	Tai - Mũi - Họng	YHN
337	3	PHẠM VĂN CÔNG	Nam	07/10/1995	Nam Định	Tai - Mũi - Họng	YHN
338	4	LÊ CHUNG DŨNG	Nam	23/02/1996	Điện Biên	Tai - Mũi - Họng	YHN
339	5	NGUYỄN TRUNG HIẾU	Nam	27/05/1996	Hung Yên	Tai - Mũi - Họng	YHN
340	6	LÊ NAM KHÁNH	Nam	13/02/1996	Thanh Hóa	Tai - Mũi - Họng	YHN
341	7	PHẠM TRUNG KIÊN	Nam	21/11/1996	Hung Yên	Tai - Mũi - Họng	YHN
342	8	NGUYỄN BÌNH MINH	Nam	11/07/1996	Hải Dương	Tai - Mũi - Họng	YHN
343	9	NGUYỄN VĂN PHÚC	Nam	12/10/1996	Nghệ An	Tai - Mũi - Họng	YHN
344	10	PHẠM ĐÌNH TRUNG	Nam	05/09/1995	Ninh Bình	Tai - Mũi - Họng	YHN
345	1	NGUYỄN HẢI ANH	Nữ	26/10/1996	Hà Nội	Tâm thần	YHN
346	2	PHẠM QUANG HƯNG	Nam	20/12/1996	Hà Nội	Tâm thần	YHN
347	3	NGUYỄN THỊ THUY LINH	Nữ	14/12/1996	Hải Phòng	Tâm thần	YHN
348	4	NGUYỄN THỊ LÝ	Nữ	19/11/1996	Hung Yên	Tâm thần	YHN
349	5	NGUYỄN VĂN MINH	Nam	28/02/1996	Nghệ An	Tâm thần	YHN
350	6	PHẠM THỊ PHƯƠNG	Nữ	12/10/1996	Ninh Bình	Tâm thần	YHN
351	7	HOÀNG TRƯỜNG SƠN	Nam	23/07/1996	Hà Nội	Tâm thần	YHN
352	8	NGUYỄN THẾ TÀI	Nam	01/12/1996	Hải Dương	Tâm thần	YHN
353	9	NGUYỄN THỊ DẠ THẢO	Nữ	29/11/1996	Hà Tĩnh	Tâm thần	YHN
354	10	CAO THỊ THU	Nữ	20/10/1995	Nam Định	Tâm thần	YHN
355	11	NGUYỄN QUỐC TRÍ	Nam	17/11/1996	Thanh Hóa	Tâm thần	PHĐHYHN
356	12	NGUYỄN VĂN TRUNG	Nam	20/07/1993	Quảng Bình	Tâm thần	YHN
357	13	NGUYỄN XUÂN TRUNG	Nam	27/01/1996	Hà Nội	Tâm thần	YHN
358	14	DƯƠNG THỊ TỔ UYÊN	Nữ	15/12/1996	Thái Nguyên	Tâm thần	YHN
359	15	NGUYỄN THẢO VÂN	Nữ	08/04/1995	Sơn La	Tâm thần	YHN
360	1	PHAN HÀ AN	Nam	11/08/1996	Nghệ An	Thần kinh	YHN
361	2	NGUYỄN THỊ ANH	Nữ	08/05/1996	Hà Nội	Thần kinh	YHN
362	3	TRẦN QUANG BÌNH	Nam	28/06/1996	Quảng Ninh	Thần kinh	YHN
363	4	TRẦN ĐỨC DŨNG	Nam	12/04/1996	Nam Định	Thần kinh	YHN
364	5	HOÀNG NGỌC DŨNG	Nam	10/02/1996	Ninh Bình	Thần kinh	YHN
365	6	NGUYỄN SƠN DƯƠNG	Nam	14/01/1995	Vĩnh Phúc	Thần kinh	YHN
366	7	BÙI THỊ THU HÀ	Nữ	18/09/1996	Ninh Bình	Thần kinh	YHN
367	8	NGÔ VIỆT HẢI	Nam	09/11/1995	Bắc Ninh	Thần kinh	YHN
368	9	TRƯƠNG THỊ HOÀN	Nữ	05/07/1996	Thanh Hóa	Thần kinh	YHN
369	10	NGUYỄN ĐÌNH HUY	Nam	10/07/1996	Nghệ An	Thần kinh	YHN
370	11	DIÊM THỊ HUYỀN	Nữ	08/10/1996	Bắc Giang	Thần kinh	YHN

TT	TT CN	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Chuyên ngành Đào tạo	Ghi chú
371	12	NGUYỄN THỊ HUYỀN	Nữ	25/01/1995	Hung Yên	Thần kinh	YHN
372	13	VŨ VĂN KHÔI	Nam	22/03/1996	Thái Nguyên	Thần kinh	YHN
373	14	NGUYỄN THỊ HẠNH LAM	Nữ	16/09/1996	Thái Nguyên	Thần kinh	YHN
374	15	NGUYỄN THỊ THUỶ LINH	Nữ	09/12/1996	Nghệ An	Thần kinh	YHN
375	16	VŨ THỊ NGÀ	Nữ	07/09/1994	Bắc Ninh	Thần kinh	YHN
376	17	NGUYỄN HẠNH NGÂN	Nữ	10/01/1995	Hòa Bình	Thần kinh	YHN
377	18	NGUYỄN ĐÌNH VĨNH NGHIỆP	Nam	06/06/1995	Nghệ An	Thần kinh	YHN
378	19	NGUYỄN ĐẮC QUYẾT	Nam	20/02/1996	Bắc Ninh	Thần kinh	YHN
379	20	NGUYỄN THU THẢO	Nữ	03/11/1996	Quảng Ninh	Thần kinh	YHN
380	21	LÊ VĂN THẮNG	Nam	30/09/1996	Thái Bình	Thần kinh	YHN
381	22	HỒ THANH THUY	Nữ	13/08/1996	Nghệ An	Thần kinh	YHN
382	23	PHAN VĂN TOÀN	Nam	11/07/1995	Nghệ An	Thần kinh	YHN
383	24	NGUYỄN THỊ TRINH	Nữ	04/12/1996	Nghệ An	Thần kinh	YHN
384	25	LÊ THỊ THU VÂN	Nữ	11/02/1996	Nghệ An	Thần kinh	YHN
385	1	LÊ THANH ĐẠT	Nam	29/11/1996	Thanh Hóa	Truyền nhiễm và CBNĐ	YHN
386	2	NGUYỄN DUY HỒ	Nam	19/05/1996	Bắc Ninh	Truyền nhiễm và CBNĐ	SYTHN
387	3	HÀ VIỆT HUY	Nam	17/01/1996	Bắc Ninh	Truyền nhiễm và CBNĐ	YHN
388	4	PHẠM THỊ THANH HUYỀN	Nữ	02/10/1996	Thái Bình	Truyền nhiễm và CBNĐ	YHN
389	5	NGUYỄN THỊ HUYỀN	Nữ	22/06/1995	Hải Phòng	Truyền nhiễm và CBNĐ	YHN
390	6	DƯƠNG THỊ KIM LIÊN	Nữ	10/11/1996	Hà Nội	Truyền nhiễm và CBNĐ	YHN
391	7	PHẠM THỊ NHUNG	Nữ	14/08/1996	Nam Định	Truyền nhiễm và CBNĐ	SYTHN
392	8	NGUYỄN THỊ TUYỀN	Nữ	09/06/1995	Bắc Ninh	Truyền nhiễm và CBNĐ	YHN
393	9	LÃ THỊ TUYẾT	Nữ	26/10/1996	Bắc Giang	Truyền nhiễm và CBNĐ	YHN
394	1	LÊ ĐỨC ANH	Nam	20/12/1996	Nghệ An	Ung thư	YHN
395	2	TRẦN THỊ KIM ANH	Nữ	25/12/1995	Nam Định	Ung thư	SYTHN
396	3	TRƯƠNG TUẤN ANH	Nam	06/08/1996	Ninh Bình	Ung thư	YHN
397	4	QUÁCH THỊ DUNG	Nữ	15/03/1996	Hung Yên	Ung thư	YHN
398	5	VŨ THỊ DUYÊN	Nữ	27/11/1996	Nam Định	Ung thư	YHN
399	6	PHẠM THÁI DƯƠNG	Nam	23/03/1995	Bắc Giang	Ung thư	YHN
400	7	NGUYỄN TRỌNG ĐẠT	Nam	13/12/1996	Ninh Bình	Ung thư	SYTHN
401	8	PHẠM TUẤN ĐẠT	Nam	03/07/1996	Hải Dương	Ung thư	YHN
402	9	HOÀNG MẠNH ĐỨC	Nam	17/07/1996	Hà Nội	Ung thư	YHN
403	10	NGUYỄN THANH HÀ	Nam	24/09/1996	Nam Định	Ung thư	YHN
404	11	ĐOÀN NGUYỆT HẰNG	Nữ	21/12/1996	Ninh Bình	Ung thư	SYTHN
405	12	HOÀNG THỊ HOÀI	Nữ	20/10/1996	Thanh Hóa	Ung thư	YHN
406	13	TRẦN THỊ HUYỀN	Nữ	12/09/1995	Hải Dương	Ung thư	YHN
407	14	PHẠM MINH LANH	Nữ	02/11/1996	Nam Định	Ung thư	YHN
408	15	ĐÀO THỊ NGUYỄN LÊ	Nữ	28/12/1996	Nam Định	Ung thư	PHĐHYHN
409	16	TIÊU VĂN LỰC	Nam	29/02/1996	Hải Dương	Ung thư	YHN
410	17	NGUYỄN TIẾN MẠNH	Nam	03/10/1996	Nghệ An	Ung thư	YHN
411	18	PHAN ĐẮC PHƯƠNG	Nam	09/10/1996	Vĩnh Phúc	Ung thư	SYTHN
412	19	CAO THỊ THANH	Nữ	22/12/1995	Nghệ An	Ung thư	YHN
413	20	NGUYỄN HỮU THẮNG	Nam	29/11/1996	Hà Nội	Ung thư	YHN
414	21	LŨ VIỆT THẮNG	Nam	20/10/1996	Hà Nam	Ung thư	YHN
415	22	BÙI XUÂN THẮNG	Nam	30/07/1996	Nghệ An	Ung thư	YHN
416	23	VŨ VĂN TIẾN	Nam	19/10/1996	Bắc Ninh	Ung thư	SYTHN
417	24	TRẦN QUỐC TRUNG	Nam	08/05/1996	Kon Tum	Ung thư	SYTHN

TT	TT CN	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Chuyên ngành Đào tạo	Ghi chú
418	25	TRƯƠNG MINH TUẤN	Nam	28/10/1996	Thái Bình	Ung thư	SYTHN
419	1	NGUYỄN NHẬT ANH	Nữ	04/09/1996	Hải Dương	Vì sinh y học	YHN
420	2	ĐÀO NGỌC DUY	Nam	07/12/1995	Hung Yên	Vì sinh y học	YHN
421	3	VŨ HỒNG DUYÊN	Nữ	01/08/1996	Thái Bình	Vì sinh y học	YHN
422	4	NGUYỄN HÀ HẢI	Nữ	14/10/1996	Thái Bình	Vì sinh y học	YHN
423	5	TRẦN HIỀN LƯƠNG	Nữ	18/11/1996	Hà Nam	Vì sinh y học	YHN
424	6	ĐÀO THỊ TUYẾT MAI	Nữ	10/11/1996	Ninh Bình	Vì sinh y học	PHĐHYHN
425	7	TRẦN THỊ NGÂN	Nữ	04/09/1996	Bắc Giang	Vì sinh y học	YHN
426	8	THÂN THỊ DUNG NHI	Nữ	07/12/1996	Bắc Giang	Vì sinh y học	YHN
427	9	MAI THỊ TRANG	Nữ	15/01/1995	Nam Định	Vì sinh y học	YHN
428	10	VÕ MINH TUẤN	Nam	04/04/1996	Thanh Hóa	Vì sinh y học	YHN
429	1	LÊ THỊ CÚC	Nữ	06/12/1996	Nam Định	Y học cổ truyền	YHN
430	2	LÊ TIẾN ĐẠT	Nam	13/11/1996	Hải Phòng	Y học cổ truyền	YHN
431	3	PHẠM THỊ THU HOÀI	Nữ	11/05/1996	Lào Cai	Y học cổ truyền	YHN
432	4	VŨ THỊ THUỶ LINH	Nữ	13/07/1995	Nam Định	Y học cổ truyền	YHN
433	5	VŨ HÀ MY	Nữ	09/01/1996	Hà Nội	Y học cổ truyền	YHN
434	6	VŨ MINH PHỤNG	Nam	25/01/1996	Thái Bình	Y học cổ truyền	YHN
435	7	NGUYỄN THỊ QUÝ	Nữ	27/11/1996	Thái Bình	Y học cổ truyền	YHN
436	8	PHẠM QUANG THỐNG	Nam	03/05/1994	Phú Thọ	Y học cổ truyền	YHN
437	1	HÀ ĐỨC DOANH	Nam	24/03/1996	Hà Nam	Y học dự phòng	YHN
438	1	ĐẬU ĐỨC BẢO	Nam	21/03/1995	Hà Tĩnh	Y học gia đình	YHN
439	2	ĐINH XUÂN DƯƠNG	Nam	04/05/1996	Nghệ An	Y học gia đình	YHN
440	3	TRƯƠNG THỊ HỒNG GĂM	Nữ	09/09/1996	Thanh Hóa	Y học gia đình	YHN
441	4	PHẠM NGỌC LONG	Nam	11/05/1996	Thái Bình	Y học gia đình	YHN
442	5	NGUYỄN THỊ NGỌC	Nữ	10/09/1996	Thanh Hóa	Y học gia đình	PHĐHYHN
443	6	LÊ VĂN SƠN	Nam	25/11/1996	Bắc Ninh	Y học gia đình	YHN
444	7	HOÀNG TRUNG TÍNH	Nam	09/06/1996	Nam Định	Y học gia đình	YHN
445	1	HỒ THỊ HỒNG	Nữ	30/08/1996	Nghệ An	Y pháp	YHN
446	2	NGUYỄN THỊ TRÂM	Nữ	09/01/1995	Nghệ An	Y pháp	PHĐHYHN
447	1	ĐÀO NGỌC BẮC	Nam	20/12/1996	Hải Dương	Y sinh học di truyền	YHN
448	2	NGUYỄN XUÂN ANH DUY	Nam	30/12/1996	Hà Nội	Y sinh học di truyền	YHN
449	3	HÀN NGỌC THUỶ DƯƠNG	Nữ	13/11/1996	Hà Nội	Y sinh học di truyền	YHN
450	4	PHẠM MINH ĐỨC	Nam	20/11/1995	Thái Bình	Y sinh học di truyền	YHN
451	5	TÔ THỊ THU HÀ	Nữ	27/03/1996	Thanh Hóa	Y sinh học di truyền	YHN
452	6	ĐOÀN VIỆT HÀ	Nữ	12/03/1996	Nam Định	Y sinh học di truyền	YHN
453	7	NGUYỄN THỊ HUỆ	Nữ	15/04/1996	Hải Dương	Y sinh học di truyền	YHN
454	8	NGUYỄN THU NGA	Nữ	18/12/1996	Vĩnh Phúc	Y sinh học di truyền	YHN
455	9	NGUYỄN PHƯƠNG NGỌC	Nữ	18/09/1996	Thái Bình	Y sinh học di truyền	YHN
456	10	LÊ VĂN THÀNH	Nam	20/07/1996	Hà Tĩnh	Y sinh học di truyền	YHN
457	11	TRẦN THỊ HUYỀN TRANG	Nữ	09/06/1996	Quảng Ninh	Y sinh học di truyền	YHN
458	12	TRẦN ĐÌNH ANH TUẤN	Nam	11/11/1996	Thái Bình	Y sinh học di truyền	YHN

Ấn định danh sách gồm 458/ 37 chuyên ngành